

LAST TRIP (II)

(Tiếp theo bài bác Lân 62)

Phần I

QUÊ HƯƠNG NGHỆ - TỈNH

Nhà thơ, triết gia bên Tàu nhận định: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy!” Xưa nay người sống bảy mươi đã là hiếm. Dù khoa học có tiến bộ, nhưng sau 70 thì xuân chỉ hờm hờm, không còn xanh nữa: đi du lịch, thuốc uống nhét đầy balo, do ai đó từng nói “vàng trong miệng, bạc trên đầu, đường trong máu, mỡ bao tim, tối hơi lim dim khó ngủ...” mắt mờ, tai điếc, gối long, vai xệ (cư dân Gò té); leo tam cấp thì bước tiến, bước nghỉ (2 chân một bước) thay vì một lèo 2 bước như thời còn là học trò thầy Fleutot (Thầy dạy Gym ở Sohier), oanh oanh liệt liệt; tay tựa lan can, lấy đà! Đi đâu thấy cảnh đẹp lung linh mà phải leo cấp thì lè lưỡi, eo ơi. v.v... Thời gian tàn phá dung nhan còn hơn cả B52 rải thảm.

Đoàn đi cùng bok Tâm, qua tường trình bác Lân vừa rồi, lớp trẻ nhất là Cvk 64. Đó là so với lớp. Còn nói về tuổi thì sàng sàng như nhau. Pháo Gò Vấp hay nổ: ”Nó bằng tuổi tui mà nó học sau tui 4 lớp.” Nhưng sao không nghĩ tới phận mình, vô 58 học 60, nghĩa là zốt, xuống một lần hai lớp!



Đôi lời tâm sự về cái sự dốt. Di cư vào Nam năm 1954. Ông bà, cha mẹ cứ theo các cô tìm nơi này định cư, nơi khác lập nghiệp, mấy sếp nhỏ chẳng được đến trường. Bản thân tui còn nhớ, lớp nhất thầy Điều¹ (Lớp 5 bây giờ, tại Đức Minh), học trò nhiều lứa tuổi chen vai thích cánh. Có anh sắp lấy vợ, có chị gần lấy chồng. Rồi nữa, để chắc ăn, không bị đuổi về khi vô nhà dòng, chủng viện, cha mẹ lại xua ‘ông cụ tương lai’ học thêm 1 năm đệ thất trường làng, khi vừa tốt nghiệp tiểu học. Vì thế, vô ứng sinh Chủng Viện Thừa Sai, cha BT Alexis phán Dakmil bây toàn đưa mấy đứa trốn quân dịch đi tu!

Kể tiếp chuyện đi:

Sau buổi tối 06/6, đoàn ăn no uống say tại nhà bok Tâm, Thọ Hoàng, Dakmil, sáng ngày hôm sau 07/6, anh em Saigon từ già bà con lên đường về nhà. An toàn. Tiếp tục sự nghiệp giữ cháu, trồng rau, làm vườn.

¹ Ngày xưa bực tiểu học mỗi thầy chuyên một lớp. Một thầy dạy tất tặn tặn các môn học. Đức Minh có thầy Điều chuyên lớp nhất, thầy đoán đề thi hàng năm ít sai, nhất là môn toán đố; Hà Lan có thầy Báu, ba của Oanh 61 và Kiềm 64. Các vị đi dạy không mang theo bất cứ tài liệu nào cả. Thầy chỉ hỏi trò là hôm trước thầy nói tới đâu rồi? Tiếp theo là thao thao bất tuyệt. Hay nhất là những câu chuyện kể thêm bên lế, liên quan đến các nhân vật mà giờ sử hôm đó đề cập đến, ngoài sách vở.



Bà chị gần 90 tuổi

Một điều ghi nhận, chẳng những Cvk và các phu nhân gặp nhau là thắm tình huynh đệ khắp hoàn cầu, mà ngay cả bà con thân tộc, chưa hề gặp mặt, cũng thân tình không khác chi ruột thịt.

Last Trip-Tập hai:

Giữ lời hứa với tiền nhân nơi Quê nhà Nghệ Tĩnh, bok Tâm và vợ chồng Sỹ/Kim quyết tâm lên đường ra Bắc vào thứ hai ngày 12/6, dù cả ba cũng đã thắm mệt, với cái tuổi cổ lai hy qua chặng đường dài Khơ-Bơ (đi An Khơ ăn thịt bơ) vừa qua. Từ hai hướng tiến ra Vinh. Bok từ Banmethuot, chúng tôi từ Saigon. “Hợp lưu” (điểm hẹn) nơi dòng Lam Giang thơ mộng. Con sông chia đôi bờ Nghệ-Tĩnh. Hữu ngạn: nơi an nghỉ đại thi hào Nguyễn Du, tả ngạn danh sĩ cải cách Nguyễn Trường Tộ.



Nhà thờ Xã Đoài

Do đã dự trù từ rất lâu về chuyến đi ý nghĩa này, nên quyết thực hiện, biết đâu được người đời sẽ thêm chữ “the” vào “last trip”! Có Chúa mới biết. Thật tình thì ba lão niên đã mỏi gối, chồn chân. Hơn nữa, Quê nhà chỉ còn phảng phất đâu đó hương hồn của Tổ tiên, cho dù dòng sông Ngàn Su (sâu) vẫn chảy, dải đất xưa vẫn còn, con kênh đào (kênh Sắt) mang tên Nguyễn Trường Tộ vẫn tồn tại với thời gian dâu bể. Nhưng. Sức khỏe sẽ cản đường về.

I- Nghệ An

Địa phận Vinh (Nguồn: website Giáo phận Vinh)

“Lịch sử: Năm 1707, theo báo cáo của Giám mục Jacques de Bourges, Đại diện Tông tòa Tây Đàng Ngoài, xứ Nghệ An, là 3.000 người, do linh mục Bảo Lộc Tri coi sóc; ở Bồ Chánh là 4.000 người, do linh mục Giuse Phước coi sóc.

Ngày 27 tháng 3 năm 1846, Hạt đại diện tông tòa Nam Đàng Ngoài được thành lập, tách từ Hạt đại diện tông tòa (Địa phận) Tây Đàng Ngoài. Ngày 15 tháng 8 năm 1892, Giám mục Louis Pineau Trị làm lễ cung hiến địa phận cho Đức Mẹ. Năm đó, địa phận có 1 Giám mục, 31 thừa sai, 72 linh mục Việt Nam, 224 thầy giảng, 16 đại chủng sinh, 200 tiểu chủng sinh, 175 nữ tu, 88.227 giáo dân, 56 giáo xứ, 514 giáo họ và 300 nhà thờ.

Ngày 3 tháng 12 năm 1924, tất cả các Hạt đại diện tông tòa (địa phận) ở Việt Nam đổi tên theo địa bàn hành chính nơi đặt tòa Giám mục, nên địa phận Tông tòa Nam Đàng Ngoài đổi thành địa phận Vĩnh, về sau được gọi là địa phận Vinh, do Giám mục André Léonce Joseph Eloy Bắc coi sóc. Bây giờ, địa phận có một Giám mục, 35 linh mục Việt Nam, 4 thừa sai, 75 thầy giảng, 69 chủng sinh, 220 nữ tu, 18 giáo xứ và 66.350 giáo dân.

Ngày 24 tháng năm, 1960, Tòa Thánh thành lập Hàng Giáo phẩm Việt Nam và nâng các Hạt đại diện tông tòa (địa phận tông tòa) trở thành các giáo phận. Địa phận Vinh cũng được nâng lên hàng giáo phận vào ngày này và thuộc Giáo tỉnh Hà nội. Tháng 5 năm 2006, Giáo phận Vinh tiếp nhận khu vực Nam Quảng Bình phần hữu ngạn sông Gianh – sông Son từ Tổng giáo phận Huế.”

(Nguồn: website địa phận Vinh)

Các nhà nghiên cứu muốn tìm ảnh hưởng của một tổ chức xã hội hay tôn giáo quan trọng thế nào trên địa bàn dân cư rộng lớn thì họ quan sát lối sống, phong tục và giọng nói của cư dân trong vùng. Trước 2018, Nghệ Tĩnh Bình thuộc giáo phận Vinh. Trải dài từ Thanh Hóa đến hữu ngạn sông Gianh, cầu Hiền Lương (bên kia là Quảng Trị). Gần 400 km chiều dài. Từ giọng nói cho đến những danh từ địa phương không khác nhau là bao. Một cô ở thị trấn Hoàng mai, giáp Thanh Hóa có thể hiểu rõ người con trai Vĩnh Linh, phía cực nam giáo phận, nói gì bằng phương ngữ Vinh choa. Như vậy mới thấy ảnh hưởng đạo công giáo rất mạnh ở 3 tỉnh miền Trung Việt Nam. Sự hòa trộn đó càng ngày càng hài hòa trong những dịp Châu Lược (chầu Thánh Thể luân phiên). Những dịp hội ngộ này được xem như là ngày tết thứ hai của một giáo xứ. Giáo dân tập trung về dự giờ chầu và cùng nhau ăn uống.

“Giáo phận Hà Tĩnh được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 2018, tách ra từ địa phận Vinh. Lãnh thổ gồm hai tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Giám mục tiên khởi là đức cha Phero Nguyễn Thái Hợp. Nay là đức cha Louis Nguyễn Anh Tuấn.

Nhà thờ Chính Tòa Văn Hạnh, Thạch Trung, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.”

(Nguồn: website địa phận Vinh)

Về Xã Đoài, ký ức tuổi thơ của người viết nghèo nàn, không lưu giữ được nhiều kỷ niệm, chỉ nghe kể chuyện mà tưởng tượng những sự việc đã xảy ra hơn bảy chục năm qua.



Cam Xã Đoài

Thăm mồ mả Tổ tiên.





Nơi an nghỉ Tổ Tiên

Nhờ một ông cố bà con, có con làm cụ và làm xơ. nhà đối diện Tòa Giám Mục, tổ chức buổi ăn tối để gặp gỡ thân tộc bên nội, do người viết không đủ thời gian đi thăm từng nhà.



Sau khi giới thiệu bok Tâm quê Thọ Hoàng, Hà Tĩnh, thầy Thạch, cháu gọi tôi bằng chú, đi tu dòng khổ hạnh Phước Sơn, đang phục vụ tại Cộng đoàn Sơn La, đọc ngay câu về:

“Cam Xã Đoài,ⁱ
Xoài Tà Khẹt (Lào),
Rươi Mỹ Dụ,
Cụ Thọ Hoàng,
Rượu Bùi chu
Chim cu (bồ câu) Lý đoán (đại chủng Viện Vinh)”
Nhút Thanh Chương,
Tương Nam Đàn”
Hết nhớ.

Ý nói những nơi có đặc sản nổi tiếng về số lượng hoặc về chất lượng.

” *Buôn cam anh tới Xã đoài,
Quả cam đã ngọt, con ngài cũng xinh* ” (Ca dao)

Bok Tâm dành thời gian trước buổi ăn tối, rủ hai vợ chồng sang TGM Xã Đoài, thăm Đức cha An Phong Nguyễn Hữu Long, cai quản địa phận Vinh. Ngài cùng lớp với bok Tâm và bác Thi tại Đại chủng viện Hòa Bình trước 1975. Ngài rất vui khi gặp lại bạn đồng môn từ xa về ghé thăm. Rồi hai vị nhỏ to bao chuyện vui buồn. Mình nghe tiếng được tiếng mất do cái máy trợ thính hết pin mà không biết.

Nét mặt ngài lúc sáng lúc mờ, mình đoán có lẽ ngài khó vui, khi nhiều chuyện vừa xảy ra ngoài ý muốn, trong phạm vi trách nhiệm của ngài.

Cuối cùng chỉ nghe được câu kết thúc: "Cầu nguyện cho mình và cho địa phận mình với!" rồi quay sang mời bok Tâm và hai vợ chồng sáng mai ghé ăn đặc sản miến lươn Nghệ An, trước khi đi linh địa Trại Gáo dâng lễ kỷ niệm 125 năm tượng Thánh Anton Padova, hay làm phép lạ, ngự trị tại đây.



Đức cha An Phong

Kết thúc ngày thứ nhất trong tiết trời mùa hạ gió Lào oi bức tại quê nhà Nghi Diên.

Như đã hẹn, sáng 13/6 Đức cha chờ sẵn nơi cửa phòng ăn, đồng bàn chỉ có ngài và ba thực khách phương xa. Ngài lại tâm sự nhỏ to với bok Tâm. Ông điếc tập trung vào tô miến lươn nóng hôi đang bốc khói. Ngon. Cay nồng. Đúng là đặc sản. Bốn cha con rời nhà ăn sau cùng. Nếu không có buổi lễ lúc 8 giờ sáng, có lẽ bok Tâm chưa được tha về. Đồng môn lâu ngày gặp lại, thật quý hóa. Đặc biệt hơn, hai vị đã gặp nhau khi cùng trên đường theo học Giáo luật tại trời Âu, kể ở Roma, người nơi thủ đô ánh sáng Paris.



Điềm tâm với Đức cha

Linh địa Trại Gáo

Thuộc xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

“Theo các cụ cao niên kể lại. Khoảng thế kỷ XIX nơi đây là đất của Nhà chung dùng để sản xuất lương thực và chăn nuôi gia súc. Có kho lúa nên có tên là Trại Gạo, rồi biến thành Trại Gáo.

Khu vực này thuộc vùng trũng, ẩm thấp, vì vậy cư dân ở đây hay đau yếu, bệnh tật.

Để các tín hữu địa phương noi gương vị thánh “yêu chuộng sự khó khăn”, cũng như để phó thác những người nghèo đói, khổ đau cho đáng thánh “hay làm phép lạ”, các linh mục đã chọn thánh Antôn Padova làm Quan thầy cho giáo họ Trại Gáo. Bày tỏ niềm tôn kính và tin tưởng nơi ngài, năm 1898, các cha thừa sai đã mua một pho tượng của thánh nhân bằng thạch cao ở Pháp để đưa về lập đền thờ. Sau nhiều ngày tháng di chuyển bằng đường thủy, tượng thánh Antôn đã được đưa về Nhà Chung Xã Đoài. Về đến đây, người ta tiếp tục dùng đò để đưa tượng thánh nhân lên Trại Gáo. Khi đi đến cuối làng Thanh Hương, các tín hữu mới dùng kiệu

để cung nghinh ngài về. Đi đến địa điểm Đền Thánh hiện nay, mọi người dừng nghỉ để lấy sức tiếp tục kiệu tượng lên trên đỉnh núi, nơi các cha đã định sẽ xây dựng Đền Thánh. Nhưng sau khi nghỉ xong, họ không làm sao nhắc tượng lên được. Huy động thêm người vẫn không có kết quả, ngược lại tất cả các giây khiêng đều bị đứt. Thấy dấu hiệu ấy, các vị hữu trách nhận ra ý thánh Antôn muốn xây dựng cho ngài ngôi đền tại đó. Vì vậy, các vị đã cùng với các tín hữu nơi đây dựng một ngôi đền dài 18 mét, rộng 12 mét, hoàn toàn bằng gỗ, để làm nơi tôn kính ngài.”

(Nguồn: website địa phận Vinh)



Nhà thờ Trại Gáo

Từ một Giáo điểm. Giáo họ. Nay là Giáo xứ và là trung tâm hành hương Giáo phận.



Lúc nhỏ tôi đã nghe mẹ kể nhiều câu chuyện được xem là phép lạ của vị thánh. Tôi cũng nghe một vài cặp vợ chồng cư ngụ tại Dakmil, bác sĩ phán là hiếm muộn, họ đã có con nhờ lời chuyên cầu của ngài. Và, cứ ngày 13 tháng 6 hằng năm, họ đã vượt hàng trăm cây số trong khí trời nóng bức mùa gió Lào tại địa phương, để đến tạ ơn Chúa qua ngài.

Chúng ta có thể thấy bok Tâm trên lễ đài qua kênh youtube trong đại lễ mừng 125 năm tượng Thánh nhân hiện diện tại đền thờ Trại Gáo.

<https://www.youtube.com/live/IQ0cYpLInmQ?feature=share>

Đức cha An Phong đã nói lúc điểm tâm sáng là sẽ báo ban trật tự dành cho anh chị hai chỗ đặc biệt gần bàn thờ, nhưng hai vợ chồng lại muốn chứng kiến cảnh người tập nập chen chúc để ước lượng con số tham dự, có lẽ lên đến hàng vài trăm ngàn người đổ về từ muôn phương.

Ai đã từng tham dự đại lễ tại Măng Đen thì rõ, xe ưu tiên của linh mục đoàn mới được vào gần lễ đài, xe bok Tâm bám sát xe Đức cha để hưởng ké đặc ân trên.

Sau lễ, hai Đức cha tha thiết giữ bok Tâm ở lại dùng tiệc trưa tại văn phòng Giáo xứ. Đức cha không quên hai bổn đạo miền Nam và nhắc gọi điện thoại. Để chen

được giòng người đi ngược vào nhà xứ chẳng khác nào chèo thuyền ngược nước. Đành xin khất, tìm nơi khác thuận chiều hơn.

Về hotel gần Cửa Lò tắm biển chờ họp mặt phía bên ngoài của tôi trong bữa ăn chiều nay tại nhà xứ của ông cha bà con. Mà hình như nhà nào cũng tổ chức tiệc tùng, nhân ngày được ơn toàn xá này.

Xin ghi thêm. Tôi gặp ông cháu làm cụ năm 2018 trong một trường hợp khá đặc biệt.

Mặc dầu đã nghe tên ngài từ lâu, nhưng chưa một lần diện kiến sau 1975. Số là. Bà có một ông cha bên Kentucky, Mỹ, là chị ruột bà xã tôi về Nghệ An chơi và alo chúng tôi ra tháp tùng đi du lịch (Ds đã có bài tường thuật). Vừa xuống sân bay Vinh, hai vợ chồng được xe đón về trong bữa tiệc tại vùng quê Nghệ An. Có ba ông cha và bà con khá đông. Vì là em bà cố, chúng tôi được ngồi mâm lớn. Tôi tự giới thiệu là cháu, gọi bằng cậu, một nhân vật là nạn nhân của chính sách cải cách ruộng đất. Ngài buột miệng, mẹ con cũng gọi ông ta bằng cậu rọt (ruột). Vậy con phải gọi bằng cậu Sỹ, vì cậu là em họ của mẹ con.

Lại xin kể câu chuyện về ơn bền đỗ của ông linh mục già gọi tôi bằng cậu. Năm 1954 vừa tập tễnh vào trường Lý đoán (Lớp Triết) thì chủng viện bị đóng cửa. Ngài ở vậy làm đủ thứ nghề để sống và giúp đỡ gia đình, ngài vui vẻ và kể lại một cách khiêm nhượng:” Cậu biết con làm nghề may. Khi đo thì phải đo lung tung, kể cả những vùng nhạy cảm, nhiều O (cô) cố tình e lệ đỏ mặt!”. Nhưng, vẫn không tha thiết chuyện thế gian, mà chỉ hướng sống theo ơn gọi. Vùng quê Nghệ An lúc đó, linh mục người thì bị bắt, kẻ đi vô Nam. Chưa đề cập đến việc cấm đoán hành đạo, do sợ tập trung đông người, mưu làm loạn, của một chính quyền đứng chưa vững. Ngài đi trao Minh Thánh Chúa kẻ liệt, đem Chúa đến các nhà nguyện và được đặc cách cho rước lễ trong một vùng rộng lớn của đồng bằng xứ Nghệ. Mãi đến sau 1975 mới tiếp tục đường tu. 8 năm sau, lom khom bước lên bàn thờ. 20 năm tu học trường đời và 8 năm trường đạo. Ngài hiền lành chất phác. 77 tuổi vẫn chưa chịu nghỉ hưu.



Cha Cháu (Ngồi giữa)

Sáng hôm sau 14/6 chúng tôi thức dậy sớm tắm biển Cửa Lò. Bãi biển khá sạch. Không vết dầu. Không bao nylon, như nhiều nơi khác dọc miền Trung Việt Nam. Bãi lầy lầy, đi bộ ra vài chục mét vẫn chưa ngập đầu.



Biển Cửa Lò

Ngày hôm sau 14/6/2023. Trước khi đến thưởng thức hải sản tại nhà đưa cháu gọi bằng ông ở Cửa Hội. Cửa Hội là vùng Delta sông Lam, trước khi đổ ra biển. Địa phương vừa mới khánh thành ngôi nhà thờ xứ và cây cầu nối hai bờ vui.

Xe quay ra thành phố Vinh mua pin máy điếc để bok Tâm đỡ phải lên giọng, khi nói chuyện với đồng hương hai ký tự (hư cái tai). Battery máy trợ thính không dễ mua, nếu như không có kỹ sư Gú gồ chỉ đường. Vậy mà tài xế đã phải lòng vòng nhiều tua mới đến được cửa hàng điếc.

Có pin rồi, nay đi tìm viếng mộ danh sĩ Nguyễn Trường Tộ.

Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871)



Còn được gọi Thầy Lân, là một danh sĩ, kiến trúc sư, và là nhà cải cách xã hội Việt Nam thế kỷ 19.

Ông sinh ra trong một gia đình theo đạo Công giáo từ nhiều đời tại làng Bùi Chu, xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Ông thông minh, học giỏi nên được truyền tụng là "*Trạng Tộ*".

Ông đã thảo xong ba bản điều trần gửi lên Triều đình Huế là "*Tế cấp luận*", "*Giáo môn luận*" và "*Thiên hạ phân hợp đại thế luận*".

Song tất cả đều không được phúc đáp. Đầu năm 1864 ông lại gửi cho đại thần Trần Tiễn Thành một bản điều trần nữa (hiện thất lạc) để thuyết phục Triều đình Huế nên tạm hòa với Pháp và mở rộng bang giao.

Trong quãng thời gian đó, năm 1862-1864, bằng sự hiểu biết của mình, ông đã thiết kế và chỉ đạo việc xây cất tu viện dòng Thánh Phaolô Sài Gòn (nay ở số 4 đường Tôn Đức Thắng). Đây là một công trình kiến trúc theo kiểu châu Âu có quy mô và có giá trị bền vững cho đến tận ngày nay.



Mộ Nguyễn Trường Tộ

Khoảng cuối năm 1864 cho đến đầu năm 1865, Nguyễn Trường Tộ đã gửi liên tiếp một số văn bản lên vua và triều đình. Ông nói rằng: *"Những người phương Tây nếu được đối đãi tử tế cũng sẽ đối đãi tử tế với mình, còn nếu không họ sẽ chiếm làm thuộc địa giống như các nước ở châu Phi"*, nhưng chưa kịp gửi lên triều đình thì bị họ Phạm ngăn cản. Còn ba văn bản gửi cho ông Thành, thì có thể là các bài: *"Góp ý về việc mua và đóng thuyền máy"* (cuối 1864), *"Góp ý về việc đào tạo người điều khiển và sửa chữa thuyền máy"* (tháng 2 năm 1865) và *"Khai hoang từ"* (tháng 2, 1866).

Năm Tự Đức 19, Bính Dần (1866), ngũ nguyệt (tháng 5), Bộ sai quan Tổng đốc Nghệ An là Hoàng Tá Viêm ra đào Kênh Sắt... (Cũng được gọi là kênh đào Nguyễn

Trương Tô) Người (vua) viết thư cậy ông Tô đi khám xem hình đất, thế đất, chỉ lối cho mà đào... Kênh hoàn thành, ông Tô có làm bài thơ mừng Kênh Sắt.

Chuyện lớn không thành, về Nghệ An, Nguyễn Trường Tô bắt tay vào việc vận động dân vùng Xuân Mỹ (Nghệ An) thường xuyên bị úng lụt đến nơi ở mới, đồng thời xây cất Nhà Chung Xã Đoài (Nhiều công trình đã bị bom đánh sập thời chiến tranh). Trong những năm này, ông vẫn đều đặn gửi lên triều đình Huế các bản điều trần về thời sự.

Đến ngày 22 tháng 11 năm 1871, ông đột ngột từ trần, ở tuổi 41.

(Nguồn: tóm tắt từ Internet)

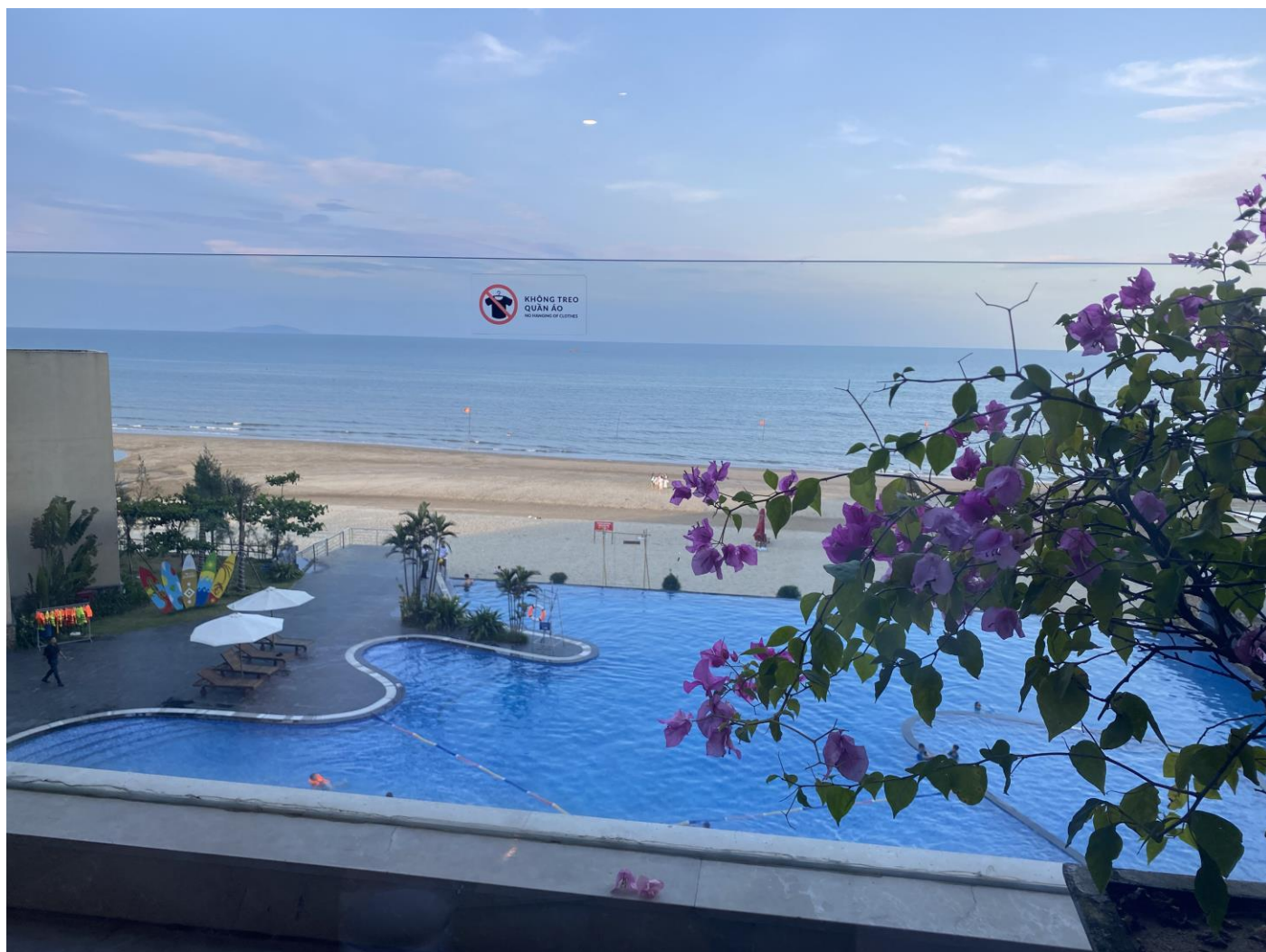


Như đã hẹn, chúng tôi về Cửa Hội ăn trưa, trước khi ghé thăm nơi sinh sống và an nghỉ đại thi hào Nguyễn Du bên kia sông Lam thuộc Nghi Xuân, Hà Tĩnh.



II.- Hà Tĩnh

Buổi trưa hè, khí trời khá oi bức, chúng tôi đi thăm khu lưu niệm đại thi sĩ làng Tiên Điền, rồi về khách sạn ven biển Nghi Xuân nghỉ ngơi. Ngày hôm sau mới xuất hành đi Hương Khê thay vì hôm nay như đã lên kế hoạch.



Biển Nghi Xuân

Nguyễn Du (1765-1820)

Nguyễn Du tên tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Lạp Hộ, Nam Hải Điếu Đồ, sinh tại kinh thành Thăng Long (Hà Nội). Là một nhà thơ, nhà văn hóa lớn thời Lê mạt Nguyễn sơ ở Việt Nam. Ông được người Việt kính trọng tôn xưng là "Đại thi hào dân tộc" và được UNESCO vinh danh là "Danh nhân văn hóa thế giới".

Cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, làm quan đến chức Tham tụng (Tể tướng) dưới triều Lê; mẹ là bà Trần Thị Tần quê ở Kinh Bắc-Bắc Ninh. Nguyễn Du ra đời trong một gia đình đại quý tộc, có thể lực vào bậc nhất đương thời. Thuở nhỏ Nguyễn Du sống trong nhung lụa, nhưng cuộc sống này kéo dài không quá mười năm. Vì 10 tuổi đã mồ côi cha, năm 13 tuổi, mồ côi mẹ, ông và các anh em ruột phải đến sống với người anh cả khác mẹ là Nguyễn Khản (khi ấy ông Khản đã hơn Nguyễn Du 31 tuổi).

Năm 1783, Nguyễn Du thi Hương đỗ tam trường (tú tài), sau đó không rõ vì lẽ gì không đi thi nữa. Trước đây, một võ quan họ Hà (không rõ tên) ở Thái Nguyên,

không có con nên đã nhận ông làm con nuôi. Vì thế, khi người cha này mất, Nguyễn Du được tập ấm một chức quan võ nhỏ ở Thái Nguyênⁱⁱ.
(*Xin xem tiếp ở cuối bài*)

1. Tác phẩm bằng chữ Hán



Những tác phẩm bằng chữ Hán của Nguyễn Du rất nhiều, nhưng mãi đến năm 1959 mới được ba nhà nho là: Bùi Kỳ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh sưu tầm, phiên dịch, chú thích và giới thiệu, tập Thơ chữ Hán Nguyễn Du (Nhà xuất bản Văn hóa, 1959) chỉ gồm có 102 bài. Đến năm 1965 Nhà xuất bản Văn học đã ra Thơ chữ Hán Nguyễn Du tập mới do Lê Thước và Trương Chính sưu tầm, chú thích, phiên dịch, sắp xếp, gồm 249 bài như sau:

Thanh Hiên thi tập (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn.

Nam trung tạp ngâm (Ngâm nga lặt vặt lúc ở miền Nam) gồm 40 bài, viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh.

Bắc hành tạp lục (Ghi chép linh tinh trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

2. Tác phẩm bằng chữ Nôm

Những tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Du gồm có:

Đoạn trường tân thanh (Tiếng than van mới đau lòng đứt ruột. Tên phổ biến là *Truyện Kiều*), được viết bằng chữ Nôm, gồm 3.254 câu thơ theo thể lục bát. Nội dung của truyện dựa theo tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Nội dung chính của truyện xoay quanh quãng đời lưu lạc sau khi bán mình chuộc cha của Thúy Kiều, nhân vật chính trong truyện, một cô gái có tài sắc. Về thời điểm sáng tác, Từ điển văn học (bộ mới) ghi: "Có thuyết cho rằng Nguyễn Du viết ra sau khi ông đi sứ Trung Quốc (1814-1820), có thuyết cho nói ông viết trước khi đi sứ, có thể vào khoảng thời gian làm Cai bạ ở Quảng Bình (1804-1809). Thuyết sau được nhiều người chấp nhận hơn". *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần tinh hoa của văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Đến nay, *Truyện Kiều* đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó có tiếng Pháp, Anh, Nga, Hàn, Nhật...

Năm 1820, Gia Long mất, Minh Mạng (1791-1840) lên ngôi, Nguyễn Du lại được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc, nhưng chưa kịp lên đường thì mất đột ngột (trong một trận dịch khủng khiếp làm chết hàng vạn người lúc bấy giờ) ở kinh đô Huế vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn tức 18 tháng 9 năm 1820. Lúc đầu (1820), Nguyễn Du được táng ở xã An Ninh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Bốn năm sau mới cải táng về Tiên Điền (Hà Tĩnh).



Độc bản Truyện Kiều 75 kg

Với những công hiến của Đại thi hào Nguyễn Du cho nền văn học nước nhà và sự phát triển văn hóa của nhân loại, tháng 12/1964, tại Berlin (Đức), Hội đồng Hòa bình thế giới quyết nghị tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du (1675-1965). Ngày 25/10/2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du là danh nhân văn hóa thế giới.

(Nguồn: internet)



Nhà thờ Chính tòa Văn Hạnh Hà Tĩnh

Bok Tâm được tin từ Hương Khê là tại khu vực hiện nay khí trời rất nóng, có lẽ do ở đây gần Lào. Bok đã hủy các buổi hẹn với bà con, với các cha trong vùng. Quyết định chỉ thăm chớp nhoáng bà con quê nội và quê ngoại.

Bok thăm lại dải đất, nơi tọa lạc căn nhà ông bà cố xưa kia; nơi chôn nhau cắt rốn, nơi lưu giữ kỷ niệm tuổi thơ ông cụ tương lai cho đến năm 6 tuổi. Rồi. Bỏ lại mồ mả tổ tiên, quê cha đất tổ, xuôi vào Nam cùng với gia đình. Chiến tranh! Dù núp bất cứ dưới mỹ từ nào, đều là tội ác! Thừa đất mà chính quyền địa phương thời ấy đã giao lại cho mẹ con bà góa nghèo tên Thường cư ngụ và khai thác cho đến nay. Để hậu duệ họ yên tâm, năm 1994, dịp gia đình ra quê bốc mộ ông cố đưa vào nam sum họp, Bok đã trao đổi là gia đình không có ý chuộc lại. Và từ đó, dù cuộc sống có như thế nào, hàng năm họ không quên gửi chút tiền vô Nam, như là của lễ, nhân ngày giỗ ông cố. Thân xác, tiền bạc, vật chất sẽ ra đi, chỉ còn lại chút tình người là vĩnh cửu.



Hình chụp chung với con người chủ mới thửa vườn.

Một kỷ niệm dễ thương mà tuổi thơ nào cũng có, đó là khoảng cách không gian, tuy không hề thay đổi, nhưng với bước chân trẻ con, khi xưa thấy xa vời vợi. Bok tâm sự vườn nhà ông cố chỉ cách ngõ vào nhà bố mẹ ông anh bà con chừng 50 m,

nhưng khi còn tắm mưa ở trường, sao mà thấy xa mát mùa lệ thủy. Thực tế, giờ mới thấy hai thửa sát nhau, kiểu gần nhà mà xa ngõ. Bok hồi tưởng hình như thời xa xôi đó, con nít ở quê nghèo chỉ mặc cái áo ở trên, tông ngồng chạy khắp xóm. Mà đúng thế, người viết còn giữ cái hình gia tộc chụp năm 1952, người em con ông chú, nay đã là u 80, chỉ có áo mà không có quần, ngay cả khi chụp hình kỷ niệm.



Nhà thờ Thọ Vực, bên nội bok Tâm.



Bên trong nhà thờ Thọ Vực, Hương Khê.

Nơi ông bà cố đã dâng con mình vào đền thờ, cũng là nơi bok Tâm được làm con Chúa qua phép thanh tẩy.



Nhà thờ Vạn Căn, bên ngoài bok Tâm.

Chắc chắn đây là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm của thân mẫu bok Tâm, từ tuổi thơ cho đến khi về nhà chồng mà Bà không may mắn được một lần ghé về thăm, từ năm 1954.

Và cũng là nơi cậu bà cố, cha Martino Võ Hồng Khanh, bề trên dòng khố tu Thánh Mẫu Phước Sơn, Ninh Bình sinh ra và lớn lên cho đến ngày hiến thân phục vụ Chúa. (Người viết sẽ kể chi tiết về ngài trong phần tiếp theo)



Bà con bên ngoài bok Tâm

Trên đường về, thăm mái ấm Hồng Phúc, trẻ khuyết tật và người già neo đơn được các dì dòng Mến Thánh Giá Vinh phụ trách. Du khách phương xa đóng góp chút ít làm quà.



Xin mở ngoặc về quê hương “cá gỏi”.

Dân Miền Nam, hiếm có thiên tai, ruộng cò bay thẳng cánh. Người thưa. Đất rộng. Quà thiên nhiên ban tặng dồi dào. Thậm chí không cày cấy cũng có ăn nhờ đi gặt lúa ma, một loại lương thực trời cho, tự mọc như cây cỏ. Sạ mùa nước nổi, gặt mùa nước khô. Không nhà nào cần sân phơi lúa. Cá đầy ao. Tép đầy đồng. Vịt gà nuôi chẳng cần cho ăn. Vì thế dân lười nấu nướng, chỉ cần chèo xuồng ghé chị Ba, chị Hai đầu vàm là có đồ nhậu, có cái ăn. Làm ngày nào xào ngày nấy. Chẳng cần tích lũy.

Nhiều lần người viết qua khu Phước Lý, Nhơn Trạch. Nơi có nhiều làng di cư chọn làm quê hương thứ hai. Dọc tuyến đường, nơi nào có quán ăn, quán nhậu là dân Nam Kỳ cư ngụ.

Nói vậy để biết cả vùng hành hương to lớn Trại Gáo, nổi tiếng mà không tìm ra quán để ăn trưa. Rồi hôm nay từ Hương Khê đi về. Đổ mắt tìm, bụng đói, nhưng chẳng có quán ven đường nào vô được.

Đành phải về thành phố Hà Tĩnh tìm được quán cơm niêu có máy lạnh, khi đồng hồ đã điểm 14h.

(Cũng xin nhắc lại, do thời tiết được báo là quá nóng nên bok Tâm đã từ chối mọi lời mời ăn trưa của bà con, cha cố.)

(Còn tiếp)

Saigon mùa hạ 2023

Nguyễn Duy Sỹ, CVK 64

Xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An là nơi nổi danh với giống cam Xã Đoài đặc biệt thơm ngon.



Cam Xã Đoài là loại quả tiến vua, thậm chí được ca ngợi là "thiên hạ đệ nhất cam".

Ngược dòng lịch sử, cam Xã Đoài theo chân một giáo sĩ người Pháp truyền đạo đến xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, du nhập nước ta khoảng 150 năm trước. Do phù hợp với thổ nhưỡng nên giống cam này được rất nhiều người dân Nghi Diên trồng.

Cũng theo những người trồng cam nơi đây, cam Xã Đoài có đặc điểm vỏ cam mịn, mỏng đều và có mùi hương thơm dịu. Ruột cam vàng óng ánh, có vị ngọt, thanh mà không chua, rất khó thấy ở giống cam khác. Khi cắt ra, cam có màu vàng óng, nước chảy ra như mật ong.

Cam Xã Đoài thường ra hoa vào tiết lập Xuân và bắt đầu chín vào tháng 11, 12 âm lịch hằng năm.

Cam Xã Đoài là giống cam đặc biệt thơm ngon, ngọt, được coi là cây ăn quả đặc sản tiên vua nước tiếng ở xứ Nghệ. Cam Xã Đoài không chỉ nổi tiếng ở trong nước mà còn vinh dự được ghi vào đại từ điển Pháp, xuất hiện trong thành ngữ nước bạn Lào "Cam Xã Đoài, xoài Thà - Khéc" và đi vào văn chương Việt Nam (trích báo *Người lao động*).

"Cam Xã Đoài chỉ thơm ngon khi trồng trên đất Nghi Diên, cùng giống cam đó nhưng đem sang các xã lân cận hay đem đi các huyện như Yên Thành, Nghĩa Đàn, Con Cuông ở Nghệ An trồng cho quả nhưng ăn không ngon"- ông Nguyễn Văn Hùng, trú xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, chia sẻ.

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Trung tâm chuyên gia Công nghệ và Khuyến nông đã phối hợp với người dân nơi đây gìn giữ, bảo tồn giống cam quý.

Về thăm vườn mẫu của ông Phạm Đình Đàn tại xóm Phương Sơn, xã Nghi Diên mới thấy hết được sự nỗ lực trong việc giữ gìn, phục tráng cam Xã Đoài gian nan nhường nào.

Với mảnh đất chỉ 500m², ông Đàn trồng được 40 gốc cam Xã Đoài chính hiệu (giống đầu dòng). Ông kể, giống cam này có từ thời ông cha, lưu truyền đến bây giờ.

Giống như ông Nguyễn Văn Hùng, ông Đàn khẳng định chỉ có đất Nghi Diên mới trồng được giống cam mà giữ được vị đặc trưng: ngọt thanh, không có bã, tan trong miệng.

Ông Đàn cho biết thêm, giống cam này chín vào tháng 12 Âm lịch. Trung bình một gốc có đến 50 quả. Với định hướng VietGAP, tiêu chuẩn OCOP, cứ đến tháng 10 âm lịch là cam Nghi Diên đã có người đặt mua. Thậm chí không có cam để bán.

Được tận mắt chứng kiến mới thấy hết được sự đặc biệt của giống cam quý này. Thân cây nhỏ nhưng trĩu quả. Loại đặc biệt nhất thì 3 quả /kg, thông thường 4 - 5 quả/kg.

Đặc biệt hơn, nếu như ở các vùng cam khác cây càng già, càng cỗi, quả càng chua thì ngược lại, cam Xã Đoài quả thơm ngon nhất đều nằm ở trên thân cây có tuổi đời cao, từ 10 năm tuổi trở lên.

Cam Xã Đoài thông thường được chia làm hai loại, đó là giống nhót và giống bầu. Giống nhót quả cao thành, phần đầu hơi nhô lên và cuống nhỏ, giống bầu quả hơi dẹt và phần đầu lõm xuống. Cam khi mới chín có màu vàng rồi chuyển sang sẫm dần nhưng luôn giữ được vẻ tươi sáng, bề ngoài có lớp the mỏng, nếu bị xây xát sẽ toả mùi thơm...

Đặc tính của cây cam Xã Đoài là rất cần nước, nhưng đòi hỏi đất phải khô ráo, không ẩm cũng không hạn. Nếu bị ngậm nước lâu ngày, cây sẽ chết; cây sống được thì quả cũng bị rụng nhiều. Một lãnh đạo xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, Nghệ An, cho biết: Là giống cam quý, có giá trị kinh tế cao nhưng diện tích cam Xã Đoài ngày càng bị thu hẹp

Đến đầu năm 2019, toàn xã chỉ còn lại khoảng 40 hộ trồng cam Xã Đoài với khoảng 10.000 gốc trên diện tích khoảng gần 20 ha

(Nguồn: Báo Nông Nghiệp)

ii **Tiểu sử Nguyễn Du** (Tiếp theo):

“ Năm 1786, Tây Sơn bắt đầu đưa quân ra Bắc Hà.

Năm 1789, Nguyễn Huệ, một trong ba thủ lĩnh của nhà Tây Sơn đã kéo quân ra Bắc đánh tan hai mươi mấy vạn quân Thanh sang tiến chiếm Đại Việt. Nguyễn Du cũng chạy theo vua Lê Chiêu Thống (1766-1793) nhưng không kịp, đành trở về quê vợ, quê ở Quỳnh Côi ở Thái Bình, sống nhờ nhà người anh vợ là danh sĩ Đoàn Nguyễn Tuấn (1750-?).

Được vài năm, Nguyễn Du về Nghệ An. Năm 1796, nghe tin ở Gia Định, chúa Nguyễn Ánh (1762-1819) đang hoạt động mạnh, ông định vào theo, nhưng chưa đi khỏi địa phận Nghệ An thì đã bị quân Tây Sơn do tướng Nguyễn Thuận chỉ huy, bắt giữ ba tháng. Trở về Tiên Điền (Hà Tĩnh), ông sống chật vật một thời gian dài cho đến mùa thu năm 1802, khi chúa Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long, thì ông được gọi ra làm quan cho nhà Nguyễn.

Năm 1802, ông nhậm chức Tri huyện tại huyện Phù Dung (nay thuộc Khoái Châu, Hưng Yên). Tháng 11 cùng năm, đổi làm Tri phủ Thường Tín (Hà Tây, nay thuộc Hà Nội).

Kể từ đó, Nguyễn Du lần lượt đảm đương các chức việc sau:

Năm 1803: đến cửa Nam Quan tiếp sứ thần nhà Thanh , Trung Quốc .

Năm 1805: thăng hàm Đông Các điện học sĩ.

Năm 1807: làm Giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương.

Năm 1809: làm Cai bạ dinh Quảng Bình .

Năm 1813: thăng Cần Chánh điện học sĩ và giữ chức Chánh sứ đi Trung Quốc.

Sau khi đi sứ về vào năm 1814, ông được thăng Hữu tham tri Bộ Lễ.

Năm 1820, Gia Long mất, Minh Mạng (1791-1840) lên ngôi, Nguyễn Du lại được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc, nhưng chưa kịp lên đường thì mất đột ngột (trong một trận dịch khủng khiếp làm chết hàng vạn người lúc bấy giờ) ở kinh đô Huế vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn tức 18 tháng 9 năm 1820. Lúc đầu (1820), Nguyễn Du được táng ở xã An Ninh, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Bốn năm sau mới cải táng về Tiên Điền (Hà Tĩnh).

Với những cống hiến của Đại thi hào Nguyễn Du cho nền văn học nước nhà và sự phát triển văn hóa của nhân loại, tháng 12/1964, tại Berlin (Đức), Hội đồng Hòa bình thế giới quyết nghị tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du (1675-1965). Ngày 25/10/2013, tại kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) họp ở Paris đã chính thức vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du là danh nhân văn hóa thế giới.

II. Về gia đình và dòng họ

Thời Lê sơ, họ Nguyễn của Nguyễn Du vốn ở làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, tỉnh Sơn Nam (nay thuộc Hà Nội). Bấy giờ họ này có một người là Nguyễn Thiển, đậu trạng nguyên dưới thời nhà Mạc (1532), sau theo giúp nhà Lê, làm quan đến chức Thượng thư Bộ Lại, Đông các đại học sỹ, được phong tước Thư Quân Công. Ông có hai người con trai là Nguyễn Quyên và Nguyễn Miễn, đều được phong tước công. Gặp họa, Nguyễn Nhiệm, con Nguyễn Miễn trốn được, chạy vào làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh mai danh ẩn tích và sinh cơ lập nghiệp ở đấy. Bấy giờ vùng này còn hết sức hoang vắng. Người địa phương không biết

tên, gọi ông là Nam Dương công. Đó là ông tổ của họ Nguyễn làng Tiên Điền. Từ đời Nam Dương công đến đời Nguyễn Nghiễm, ông thân sinh của Nguyễn Du, tất cả là sáu đời.

Nguyễn Nghiễm, cha Nguyễn Du sinh ngày 14 tháng 3 nhuận năm Mậu tý, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ tư, tức ngày 14/5/1708. Ông thông minh học rộng, làm quan từng giữ chức Tể tướng trong triều đình. Lúc ấy người con đầu của ông là Nguyễn Khản được bổ chức Nhập thị bồi tụng, hai cha con cùng ở trong chính phủ. Ông mất ngày 17/11 năm Ất mùi, tức ngày 07/0/1776, có cả thầy tám người vợ và hai mươi một người con, cả trai lẫn gái.

Mẹ Nguyễn Du là vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm, tên là Trần Thị Tần, con gái một ông làm chức câu kê (kế toán), người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bà sinh ngày 03 tháng 7 năm Canh thân, niên hiệu Cảnh Hưng, tức ngày 24/8/1740, trẻ hơn chồng mười hai tuổi. Mẹ Nguyễn Du sinh được tất cả năm người con, bốn trai một gái. Năm 1775 người con đầu của bà là Nguyễn Trụ mất mới mười tám tuổi, năm sau chồng mất. Hai cái tang kế tiếp nhau trong hai năm liền làm cho bà đau buồn, lâm bệnh, và hai năm sau khi chồng mất, bà cũng qua đời ngày 06/7 năm Mậu tuất, tức ngày 17/8/1778, mới ba mươi chín tuổi.

Gia đình cũng như dòng họ Nguyễn Du có rất nhiều người làm quan dưới triều Lê - Trịnh. Người địa phương có câu ca dao nói về dòng họ này:

“Bao giờ ngàn Hồng hết cây,
Sông Rum hết nước, họ này hết quan”.

Nhưng gia đình Nguyễn Du không phải chỉ có nhiều người làm quan, mà còn có nhiều người viết sách, làm văn, nghĩa là một gia đình có truyền thống về văn học. Nguyễn Quỳnh ông nội Nguyễn Du là một nhà triết học chuyên nghiên cứu Kinh Dịch. Nguyễn Nghiễm một sử gia, đồng thời là một nhà thơ. Nguyễn Khản anh cả Nguyễn Du giỏi thơ Nôm, hay làm thơ đối đáp với Trịnh Sâm. Tương truyền Nguyễn Khản là một trong những người có dịch Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn ra tiếng Việt. Rồi Nguyễn Đề anh cùng mẹ với Nguyễn Du, Nguyễn Thiện cháu gọi Nguyễn Du bằng chú ruột, Nguyễn Hành em ruột Nguyễn Thiện đều là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng.

III. Các tác phẩm của Nguyễn Du

Qua các tác phẩm của Nguyễn Du, nét nổi bật chính là sự đề cao xúc cảm. Nguyễn Du là nhà thơ có học vấn uyên bác, nắm vững nhiều thể thơ của Trung Quốc, như: ngũ ngôn cổ thi, ngũ ngôn luật, thất ngôn luật, ca, hành... nên ở thể thơ nào, ông cũng có bài xuất sắc. Đặc biệt hơn cả là tài làm thơ bằng chữ Nôm của ông, mà đỉnh cao là Truyện Kiều, đã cho thấy thể thơ lục bát có khả năng chuyển tải nội dung tự sự và trữ tình to lớn trong thể loại truyện thơ.

Chính trên cơ sở này mà trong thơ Nguyễn Du luôn luôn vang lên âm thanh, bừng lên màu sắc của sự sống, hân lên những đường nét sắc cạnh của một bức tranh hiện thực đa dạng. Và giữa những âm thanh, màu sắc, đường nét vô cùng phong phú đó, Nguyễn Du hiện ra: vừa dạt dào yêu thương, vừa bừng bừng căm giận. Đây là chỗ đặc sắc và cũng là chỗ tích cực nhất trong nghệ thuật của Nguyễn Du. Từ thơ chữ Hán đến truyện Kiều, nó tạo nên cái sức sống kỳ lạ ở hầu hết tác phẩm của ông.

Sáng tác của Nguyễn Du được lưu hành ngay từ lúc ông còn sống. Tương truyền Truyện Kiều được Phạm Quý Thích nhuận sắc và cho in ở phố Hàng Gai - Hà Nội lúc ấy. Sau khi Nguyễn Du mất chỉ vài chục năm, vua Tự Đức từng có sắc cho quan tỉnh Nghệ An thu thập tất cả di cảo của Nguyễn Du để đưa về kinh. Từ đó đến nay, việc sưu tập, nghiên cứu phổ biến di sản văn

học của Nguyễn Du vẫn còn tiếp tục. Còn có những ý kiến hồ nghi tác giả một số bài thơ chữ Hán vẫn được coi là của Nguyễn Du. Việc xác định thời điểm ra đời của các tác phẩm chưa được giải quyết, kể cả thời điểm Nguyễn Du viết Truyện Kiều. Mặc dù đã mất nhiều công sức, nhưng các ý kiến trong giới nghiên cứu vẫn còn rất khác nhau.

1. Tác phẩm bằng chữ Hán

Những tác phẩm bằng chữ Hán của Nguyễn Du rất nhiều, nhưng mãi đến năm 1959 mới được ba nhà nho là: Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh sưu tầm, phiên dịch, chú thích và giới thiệu tập: Thơ chữ Hán Nguyễn Du (Nhà xuất bản Văn hóa, 1959) chỉ gồm có 102 bài. Đến năm 1965 Nhà xuất bản Văn học đã ra Thơ chữ Hán Nguyễn Du tập mới do Lê Thước và Trương Chính sưu tầm, chú thích, phiên dịch, sắp xếp, gồm 249 bài như sau:

Thanh Hiên thi tập (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn.

Nam trung tạp ngâm (Ngâm nga lật vạt lúc ở miền Nam) gồm 40 bài, viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh.

Bắc hành tạp lục (Ghi chép linh tinh trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

2. Tác phẩm bằng chữ Nôm

Những tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Du gồm có:

Đoạn trường tân thanh (Tiếng than van mới đau lòng đứt ruột. Tên phổ biến là Truyện Kiều), được viết bằng chữ Nôm, gồm 3.254 câu thơ theo thể lục bát. Nội dung của truyện dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Nội dung chính của truyện xoay quanh quãng đời lưu lạc sau khi bán mình chuộc cha của Thuý Kiều, nhân vật chính trong truyện, một cô gái có tài sắc. Về thời điểm sáng tác, Từ điển văn học (bộ mới) ghi: "Có thuyết cho rằng Nguyễn Du viết ra sau khi ông đi sứ Trung Quốc (1814-1820), có thuyết cho nói ông viết trước khi đi sứ, có thể vào khoảng thời gian làm Cai bạ ở Quảng Bình (1804-1809). Thuyết sau được nhiều người chấp nhận hơn". Truyện Kiều của Nguyễn Du đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần tinh hoa của văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó có tiếng Pháp, Anh, Nga, Hàn, Nhật..."

(Nguồn: Internet)